

Bản án số: 19/2026/LĐ-ST  
Ngày: 29 - 6 - 2026  
V/v Tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thành Hiệp;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Cần;

2. Ông Tống Văn Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 23/2026/TLST-LĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh ngày 01/01/1988; Căn cước công dân số 08908801xxxx; địa chỉ: Ấp HT, xã ĐT, huyện GCT, tỉnh TG (nay là ấp HT, xã ĐS, tỉnh ĐT).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Mai Quế A, sinh năm 2001; Căn cước công dân số: 07930100xxxx; thường trú: 30/1/38 Cây Gõ, ấp Ch C, xã ANT, Thành phố HCM; là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/3/2026); xin vắng mặt.

*Bị đơn:* Công ty TNHH J N F VN; địa chỉ: Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 32, đường Huỳnh Văn Nghệ (ĐH 411), phường TU, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc Th, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 07418400xxxx; chức vụ: Nhân viên nhân sự Công

ty TNHH J N F VN; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 14/5/2026); xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội cơ sở TU- Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Khu phố 5, phường TU, Thành phố HCM; xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Văn T, trước đây làm công nhân tại nhiều công ty, có ký kết hợp đồng lao động, có tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc theo quy định pháp luật và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội mã số 740914xxxx. Quá trình tham gia BHXH của ông T như sau: Từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2014: tham gia BHXH tại Công ty TNHH MLI (địa chỉ: Số 333 đường Hưng Định 24, khu phố HL, phường TA, Thành phố Hồ Chí Minh); Từ tháng 6/2015 đến tháng 7/2015: tham gia BHXH tại Công ty TNHH MTV Li Ch F Pr Việt Nam (địa chỉ: Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp TMC, phường MP, tỉnh Đồng Tháp); Từ tháng 8/2015 đến tháng 02/2024: tham gia BHXH tại Công ty TNHH D Đ Việt Nam (địa chỉ: Lô BIV, CI-10, Khu công nghiệp TH, xã TH, tỉnh Đồng Tháp). Đối với quá trình đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2014 tại Công ty ML I, ông T đã được chốt sổ và đã hưởng BHXH một lần theo Quyết định số GCT-07162 ngày 11/5/2015 tại huyện Gò Công Tây; đồng thời cũng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định pháp luật. Đến tháng 3/2025, ông T đến Bảo hiểm xã hội huyện Gò Công Tây (nay là Bảo hiểm xã hội Cơ sở Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp) để thực hiện thủ tục rút BHXH một lần đối với thời gian tham gia còn lại. Tuy nhiên, BHXH từ chối giải quyết với lý do trong hệ thống có ghi nhận quá trình đóng BHXH bị trùng tại Công ty TNHH Japan New Furniture VV trong thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014. Sau đó, ông T được hướng dẫn đến BHXH thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là BHXH cơ sở Tân Uyên – Thành phố Hồ Chí Minh) để tra cứu thông tin quá trình tham gia BHXH. Ngày 09/5/2025, BHXH thành phố Tân Uyên ban hành Công văn số 107/CV-BHXH, cung cấp thông tin cho thấy tồn tại BHXH mã số 741120xxxx, tham gia tại Công ty TNHH J N F VN từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014. Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014, ông T được ghi nhận đóng BHXH đồng thời tại hai đơn vị là Công ty ML I và Công ty TNHH J N F VN (02 năm 09 tháng).

Tuy nhiên, thực tế ông T chưa từng làm việc tại Công ty TNHH J N F VN và cũng không có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH J N F VN. Khoảng năm 2011, trong thời gian làm việc tại Công ty ML I, ông T có làm rơi mất ví

tiền, trong đó có Giấy chứng minh nhân dân số 35171xxxx. Sau khi nhiều lần cố gắng tìm kiếm không có kết quả, ông T đã về địa phương trình báo Công an và được cấp lại Giấy chứng minh nhân dân vào năm 2012. Vì vậy, ông T cho rằng đã có người sử dụng trái phép Giấy chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của ông để giả mạo ông đến làm việc, ký hợp đồng lao động và tham gia BHXH tại Công ty TNHH J N F VN. Do đó dẫn đến tình trạng trùng quá trình đóng BHXH khiến ông T bị từ chối giải quyết thủ tục rút BHXH một lần, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa ông Trần Văn T với Công ty TNHH J N F VN thời gian từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2014 vô hiệu.

- Công nhận cho ông T được quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội để thực hiện cập nhật, điều chỉnh và rút Bảo hiểm xã hội một lần đối với Bảo hiểm xã hội mã số 740914xxxx của ông Trần Văn T.

Ngày 12/6/2026, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Tòa án: Công nhận cho ông T được quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội để thực hiện cập nhật, điều chỉnh và rút Bảo hiểm xã hội một lần đối với Bảo hiểm xã hội mã số 740914xxxx của ông Trần Văn T. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*Quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Th trình bày:* Tất cả những người lao động khi đến làm việc tại Công ty TNHH J N F VN đều phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch được chính quyền địa phương xác nhận thì mới được vào làm tại Công ty. Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có đúng nhân thân như hồ sơ xin việc hay không bởi hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp khi xin việc đã lâu không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Đối với ông Trần Văn T vào làm việc tại Công ty TNHH J N F VN ngày 24/5/2011, giữa hai bên có ký kết hợp đồng lao động, đến tháng 4/2014 thì ông T nghỉ việc tại Công ty, Công ty đã hoàn tất thủ tục chốt Bảo hiểm xã hội và giải quyết đầy đủ chế độ cho ông T theo quy định, do thời gian đã lâu nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ của ông T. Nay, ông Trần Văn T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH J N F VN với ông Trần Văn T vô hiệu trong thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014 thì Công ty thống nhất, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T để bảo đảm quyền lợi của người lao động. Đối với vụ án thì bị đơn không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Tân Uyên trình bày:* Qua kiểm tra, đối chiếu dữ liệu tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) của ông Trần Văn T, sinh năm 01/01/1988, số Chứng minh nhân dân:

35171xxxx (Căn cước công dân số: 08908801xxxx). Ông Trần Văn T có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLĐ-BNN) tại Công ty TNHH Japan New Furniture VN với mã số Bảo hiểm xã hội 741120xxxx từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2014 (kèm theo bản quá trình tham gia). Thời điểm này Công ty TNHH J N F VN tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Bảo hiểm Xã hội cơ sở Bình Dương.

Theo quy định hiện hành về đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cơ quan BHXH không lưu giữ Hợp đồng lao động và các giấy tờ tùy thân của người lao động mà do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ.

Tại thời điểm tra cứu, thông tin giải quyết hưởng các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp như sau: Mã số 741120xxxx, ông Trần Văn T chưa hưởng BHXH 1 lần, đã hưởng trợ cấp BHTN số tiền 1.861.400 đồng/tháng, đã hưởng chế độ ốm đau số tiền 134.366 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các T liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Trần Văn T với Công ty TNHH J N F VN từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc Tranh chấp hợp đồng lao động, bị đơn Công ty TNHH J N F VN có trụ sở tại phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại các Điều 32, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Ông Trần Văn T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH J N F VN với ông Trần Văn T vô hiệu trong thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014 vì lý do người làm tại Công ty TNHH J N F VN không phải là ông T, thực tế khoảng thời gian trên ông T làm việc tại Công ty TNHH ML I. Bị đơn Công ty TNHH J N F VN thống nhất đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông T với Công ty TNHH J N F VN vô hiệu trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2024 để đảm bảo quyền lợi của người lao động, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Tại Văn bản số 107/CV-BHXXH ngày 09/5/2026 của Bảo hiểm xã hội thành phố Tân Uyên (nay là Bảo hiểm cơ sở Tân Uyên) về việc cung cấp thông tin người lao động tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, thể hiện:

*“Ông Trần Văn T có quá trình đóng trùng BHXH, BHYT, BHTN, TNLD-BNN giữa 2 mã số BHXH 741120xxxx và mã số BHXH 740914xxxx, cụ thể:*

*Mã số BHXH 741120xxxx tham gia từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2014 tại Công ty TNHH Japan New Furniture VN; Đã chốt sổ BHXH; Chưa hưởng BHXH 1 lần; Đã hưởng BHTN theo quyết định số 36726 ngày 15/7/2014 tại tỉnh Bình Dương.*

*Mã số BHXH 740914xxxx tham gia từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2014 tại Công ty TNHH Minh Long I; từ tháng 06/2015 đến tháng 07/2015 tại công ty TNHH MTV Li Chuan Food Products (Việt Nam ); từ tháng 08/2015 đến tháng 02/2024 tại công ty TNHH Dụ Đức Việt Nam; Đã chốt sổ BHXH; Đã hưởng BHXH 1 lần theo quyết định số GCT-07162 ngày 11/05/2015 quá trình 03/2009 đến 03/2014 tại huyện Gò Công Tây; Đã hưởng BHTN theo quyết định số 2212/QĐ ngày 01/06/2014 tại tỉnh Bình Thuận và số 34996 ngày 22/04/2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh.”*

Lời trình bày của ông T phù hợp với văn bản cung cấp thông tin của Bảo hiểm xã hội thành phố Tân Uyên, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2014 ông Trần Văn T làm việc tại Công ty TNHH Minh Long I với mã số Bảo hiểm xã hội 740914xxxx. Như vậy, có căn cứ xác định từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014 người làm việc tại Công ty TNHH J N F VN với mã số bảo hiểm xã hội 741120xxxx không phải là ông Trần Văn T.

[3.2]. Xét thấy, việc người khác sử dụng thông tin của ông Trần Văn T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J N F VN từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014 là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện,

bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động. Do đó, việc ông Trần Văn T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Văn T và Công ty TNHH J N F VN vô hiệu từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Tòa án: Công nhận cho ông T được quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội để thực hiện cập nhật, điều chỉnh và rút Bảo hiểm xã hội một lần đối với Bảo hiểm xã hội mã số 740914xxxx của ông Trần Văn T, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 32, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 244 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với yêu cầu: Công nhận cho ông T được quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội để thực hiện cập nhật, điều chỉnh và rút Bảo hiểm xã hội một lần đối với Bảo hiểm xã hội mã số 740914xxxx của ông Trần Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T đối với bị đơn Công ty TNHH J N F VN về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Văn T và Công ty TNHH J N F VN, thời gian làm việc từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2014 vô hiệu.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021243 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thành Hiệp**

